

TỔ CHỨC GIÁO HỘI CÔNG GIÁO MIỀN NAM TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG^(*)

Những bước phát triển

Từ sau ngày Hiệp định Giơnevơ được kí kết, Miền Nam nước ta dần dần rơi vào ách thống trị, nô dịch của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng. Tình hình xã hội Miền Nam giai đoạn này có nhiều biến động sâu sắc. Cùng với sự biến động mạnh mẽ của các giai tầng xã hội, bộ mặt tôn giáo Miền Nam cũng có những thay đổi lớn lao.

Thời điểm 1954, Giáo hội Công giáo Miền Nam so với Giáo hội Công giáo Miền Bắc còn hết sức nhỏ bé: “Lúc bấy giờ Giáo hội Công giáo Miền Nam chỉ vỏn vẹn có 5 địa phận là Quy Nhơn, Sài Gòn, Huế, Kon Tum, Vĩnh Long. Tổng số giáo dân có độ vài vạn người⁽¹⁾. Song, trong thời gian ngắn từ tháng 7 năm 1954 đến hết năm 1955. Số lượng tín đồ Công giáo Miền Nam đã tăng vọt. Lực lượng đóng góp vào sự gia tăng này là số giáo dân di cư từ Miền Bắc vào với khoảng 650.000 giáo dân⁽²⁾.”

Trên cơ sở phát triển số lượng tín đồ, ngày 24/11/1960, Giáo hoàng Gioan XXIII ban hành sắc chỉ *Venera bilium Nostrorum*, thiết lập phẩm trật Giáo hội Công giáo Việt Nam.

Sắc chỉ quyết định thành lập ở Việt Nam 3 giáo tỉnh là: Hà Nội, Huế, Sài Gòn. Mặc dù số lượng tín đồ ít hơn hẳn so với Miền Bắc, nhưng Công giáo Miền Nam được thành lập tới hai giáo tỉnh.

Giáo tỉnh Huế

Gồm Tổng giám mục Huế, nhà thờ chính tòa: Trái tim cực sạch Đức Mẹ, do

Phêrô Martinô Ngô Đình Thục phụ trách. Những giám tòa được nâng lên thành địa phận là: *Quy Nhơn*, nhà thờ chính tòa danh hiệu Đức Mẹ lên Trời, Giám mục Phêrô Phạm Ngọc Chi; *Nha Trang*, nhà thờ chính tòa danh hiệu Chúa Giêsu Vua, Giám mục Marcellô Piquet Lữ; *Kon Tum*, nhà thờ chính tòa danh hiệu Đức Mẹ Vô nhiễm nguyên tội, Giám mục Phaolô Seitz Kim.

Giáo tỉnh Sài Gòn gồm:

Tổng giám mục Sài Gòn, nhà thờ chính tòa danh hiệu Đức Mẹ Vô nhiễm nguyên tội do Phaolô Nguyễn Văn Bình phụ trách. Những giám tòa được nâng lên thành địa phận là: *Vĩnh Long*, nhà thờ chính tòa danh hiệu Thánh Anna, thân mẫu Đức Bà Maria, Giám mục Antôn Nguyễn Văn Thiên; *Cần Thơ*, nhà thờ chính tòa danh hiệu Thánh Tâm Chúa Giêsu, Giám mục: Philipphê Nguyễn Kim Điền; *Mỹ Tho*, nhà thờ chính tòa danh hiệu Đức Mẹ Vô nhiễm nguyên tội, Giám mục Giuse Trần Văn Thiện; *Đà Lạt*, nhà thờ chính tòa danh hiệu Thánh Nicôla Bari, Giám mục Simon Hòa Nguyễn Văn Hiến; *Long Xuyên*, nhà thờ chính tòa sắp được xây dựng, Giám mục Micae Nguyễn Khắc Ngữ.

*. PGS. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Cao Văn Luận. *Bên dòng lịch sử*, Sài Gòn, 1972, tr. 215.

2. *Tòa Thánh Rôma*. (Tài liệu khai thác từ phái Giáo hội Công giáo), tr.158 cho biết có 650.000 giáo dân Miền Bắc di cư vào Nam.

Thời điểm 1960, tại Việt Nam có 20 giáo phận, phân phối theo giáo tỉnh: Hà Nội: 10, Huế 4 và Sài Gòn 6. Chỉ có giáo phận Nha Trang với Giám mục Piquet Lợi, giáo phận Kon Tum với Giám mục Seitz Kim là người nước ngoài, 18 giáo phận còn lại đều do các giám mục Việt Nam đảm trách. Số tín hữu lúc này là 2.096.540 trong tổng số 29,2 triệu dân, chiếm tỉ lệ 7,17%, với 1.914 linh mục, 5.789 nam nữ tu sĩ, 1.530 chủng sinh.

Ngày 22/11/1961, Giáo hoàng Gioan XXIII kí sắc chỉ nâng đền thờ La Vang lên hàng Tiểu vương cung thánh đường. Ngày 13/11/1962, Giáo hoàng Gioan XXIII kí sắc chỉ nâng Nhà thờ chính tòa Sài Gòn lên Tiểu vương cung thánh đường. Ngày 18/01/1963, Giáo hoàng Gioan XXIII kí sắc lệnh:

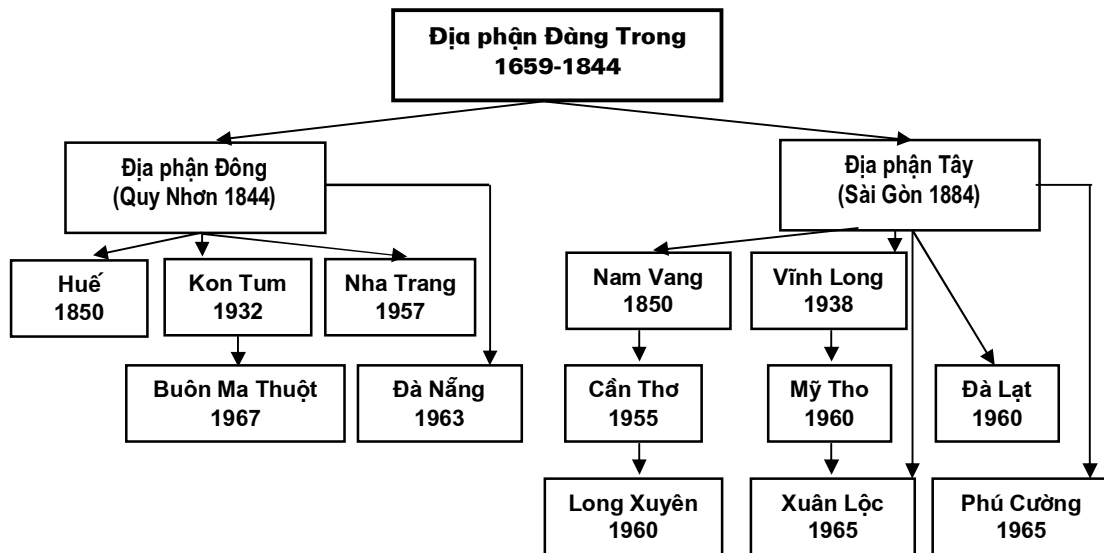
1. Lập địa phận Đà Nẵng, tách từ địa phận Quy Nhơn thuộc giáo tỉnh Huế và trao cho hàng giáo sĩ triều.

2. Thuyên chuyển Giám mục Phêrô Maria Phạm Ngọc Chi thuộc hàng giáo sĩ triều rời tòa giám mục chính tòa Quy Nhơn sang tòa giám mục chính tòa Đà Nẵng.

3. Thuyên chuyển Giám mục Đôminicô Hoàng Văn Đoàn thuộc dòng Đa Minh, hiệu tòa Saccla lên giám mục chính tòa Quy Nhơn.

Từ sau cuộc đảo chính Ngô Đình Diệm (01/11/1963), Công giáo Miền Nam lâm vào cuộc “bể dâu”, trong nhiều năm không có điều kiện phát triển. Thời Mỹ - Thiệu Công giáo Miền Nam dần dần ổn định và phát triển trên nhiều lĩnh vực, trong đó có sự phát triển về tổ chức. Năm 1965 giáo tỉnh Sài Gòn được Vatican cho thiết lập thêm hai địa phận mới là: Xuân Lộc và Phú Cường. Năm 1967, giáo tỉnh Huế có thêm địa phận Buôn Ma Thuột. Như vậy, đến năm 1967, Công giáo Miền Nam có hai giáo tỉnh với 14 địa phận.

Sơ đồ 1: Các địa phận thuộc giáo tỉnh Huế và giáo tỉnh Sài Gòn



Hệ thống tổ chức

Sắc chỉ *Venera Bilium Nostrorum* do Giáo hoàng Gioan XXIII ban hành thiết lập ở Việt Nam 3 giáo tỉnh. Như vậy, kể từ thời gian này, trong hệ thống tổ chức của Công giáo Việt Nam thêm một tổ chức mới đó là giáo tỉnh.

Giáo tỉnh

Sắc chỉ *Venera bilium Nostrorum* không có điều khoản nào quy định về tổ chức và quyền hạn của giáo tỉnh mà chỉ quy định các ranh giới. Tuy nhiên, ta có thể hiểu về giáo tỉnh như sau: Đó là tập hợp một số địa phận nhất định trong một vùng nhất định. Giáo tỉnh, vì vậy, còn được gọi là tổng địa phận, đứng đầu giáo tỉnh là Tổng giám mục. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám mục được quy định trong Giáo luật⁽³⁾, khoản 274 là: Có quyền điều hành trực tiếp trên các địa phận. Tuy nhiên trên thực tế, Tổng giám mục chỉ giữ nhiệm vụ trung gian, điều hòa sinh hoạt giữa các địa phận.

Địa phận (Giáo phận)

Theo sắc chỉ của Giáo hoàng La Mã kí ngày 24/11/1960, các địa phận Công giáo được nâng lên hàng chính tòa⁽⁴⁾. Đây là tổ chức hoàn bị, phẩm trật của Giáo hội được Giáo hoàng thiết lập đầy đủ.

Địa phận được xem là *Giáo hội địa phương* với quyền tư cách pháp nhân rất lớn. Cho đến năm 1975 nghĩa là chưa đến thời điểm ban hành Bộ Giáo luật mới⁽⁵⁾, trên danh nghĩa tổ chức địa phận theo Bộ Giáo luật cũ⁽⁶⁾.

Trước khi Giáo hội Công giáo Việt Nam được thiết lập phẩm trật, các địa phận chỉ là đại diện tông tòa hay phủ doãn tông tòa nên tổ chức địa phận chưa rõ rệt và ổn định.

Chỉ từ sau khi các địa phận được nâng lên thành địa phận chính tòa thì mọi tổ chức mới ổn định với cơ cấu sau.

Tổ chức tòa giám mục (còn gọi là giám tòa)

Đứng đầu là một giám mục với tư cách bản quyền. Có thể có giám mục phó (có quyền kế vị). Tòa giám mục còn có những người giúp việc trong một tổ chức gọi là giáo phủ địa phận.

Giám mục được Giáo hoàng La Mã bổ nhiệm. Cứ 5 năm 1 lần, giám mục phải về La Mã bệ kiến Giáo hoàng, tường trình tình hình địa phận, viếng đền Thánh Phêrô.

Giám mục “bản quyền” cai quản địa phận về phần đạo (thiên liêng) và phần trần thế. Giám mục địa phận có toàn quyền lập pháp và hành pháp, trên địa phận mình cai quản về phần đạo (thiên liêng). Nhưng những quyền ấy không được trái với giáo luật.

Giáo phủ địa phận (Disoccesan Curia)

Gồm những người có nhiệm vụ giúp giám mục trong việc hành xử quyền tư pháp hay hành chính để cai quản địa phận.

3. Bộ Giáo luật ban hành năm 1917.

4. Công giáo ban đầu không có hệ thống tổ chức. Chúa Giêsu chỉ trao cho Thánh Phêrô quyền thủ lĩnh các tông đồ và cai trị giáo hội. Dần dần Công giáo phát triển. Phêrô hoặc các đấng kế vị tức giáo hoàng không quản xuyên hết. Từ đó chức vụ giám mục được thiết lập do thẩm quyền của các tông đồ.

Địa phận có những ý nghĩa khác nhau tùy theo sự phát triển cùng sự quy định của Giáo hoàng La Mã.

Địa phận phủ doãn tông tòa: là những địa phận được quản trị bởi một vị phủ doãn tông tòa. Thường thì loại địa phận này không có chức giám mục. Do đó địa phận này được coi là bước đầu trong việc tổ chức giáo phẩm.

Địa phận đại diện tông tòa: được quản trị bởi một vị đại diện tông tòa, thường là một giám mục hiệu tòa thay mặt giáo hoàng quản trị địa phận. Loại này được thiết lập ở những miền truyền giáo chưa có hàng giáo phẩm, hoặc hàng giáo phẩm chưa được tổ chức hoàn bị. Đây được coi là bước thứ hai trong việc tổ chức hàng giáo phẩm.

Địa phận chính tòa: là tổ chức hoàn bị nhất, hàng giáo phẩm được thiết lập đầy đủ.

5. Bộ Giáo luật ban hành 1986.

6. Bộ Giáo luật ban hành năm 1917.

Bao gồm các chức vụ với các chức năng sau:

Linh mục chính địa phận

Do giám mục bổ nhiệm, thay mặt giám mục giải quyết một số công việc được phân công. Linh mục chính địa phận là người có thứ vị trên tất cả các giáo sĩ trong giáo phận.

Giám khảo hội đồng

Giúp giám mục tra xét việc chuyển các linh mục chính xứ, tra xét các vụ kiện giáo sĩ.

Chuông ấn

Phụ trách văn thư, giấy tờ giao dịch đi đến.

Chánh án

Xét xử các vụ kiện tụng về hôn phối, vi phạm giáo luật.

Chuông lí

Bênh vực công ích trong tố tụng, xử phạt và tội ác.

Kháng lí

Bênh vực kiện tụng, hôn phối và chức trách.

Những vị thẩm phán

Đảm nhiệm việc tố tụng.

Những chức vụ trên do giám mục bản quyền bổ nhiệm bằng văn kiện. Các nhân viên nhận chức phải tuyên thệ.

Trong giáo phủ địa phận còn có những nhân viên làm việc ở hội đồng tư vấn, hội đồng quản trị hành chính. Thành phần tùy theo quyết định của giám mục.

Khi tòa giám mục trống ngôi (giám mục bị bắt, ra đi...) nếu Tòa Thánh La Mã không có quyết định khác thì linh mục chính địa phận hoặc một giáo sĩ nào đó sẽ lên thay. Sự việc phải tường trình cho Tòa Thánh La Mã biết.

Hội đồng địa phận

Là một trong những phương thế đặc biệt để giám mục thi hành nhiệm vụ và quyền hành trong địa phận.

Giáo luật (1917) khoản 356 quy định, chỉ giám mục mới có quyền triệu tập hội đồng địa phận. Thời gian ít ra 10 năm 1 lần. Thành phần gồm: linh mục chính địa phận, các cố vấn địa phận, giám đốc đại chủng viện, linh mục quản hạt, linh mục chính xứ, tu viện trưởng nội luật có cơ sở tại địa phận.

Quyền hạn và nhiệm vụ của hội đồng địa phận: Bàn luận những vấn đề liên quan đến việc cai quản địa phận dưới quyền chủ tọa của giám mục. Hội đồng chỉ có tính chất tư vấn. Giám mục quyết định các vấn đề bằng văn kiện, không cần sự phê chuẩn của Tòa Thánh La Mã. Nhưng các văn kiện không được trái với giáo luật và các văn kiện của Tòa Thánh La Mã. Văn kiện chỉ có hiệu lực trong địa phận, thời gian từ khi công bố.

Hạt đạo (giáo hạt)

Hạt đạo là tổ chức trung gian giữa xứ đạo và địa phận. Về tổ chức: đứng đầu hạt đạo là linh mục hạt trưởng. Chức vụ này do giám mục địa phận cất đặt. Hạt trưởng có một số quyền hạn sau:

- Kiểm soát các giáo sĩ trong địa hạt về đức tính ân cần, chu toàn nhiệm vụ.

- Kiểm soát hoạt động phụng vụ của linh mục trong hạt, tài sản, bổng lễ, sổ sách của nhà xứ.

Theo quy định, linh mục hạt trưởng trong năm phải đi thăm viếng các xứ trong hạt. Mỗi năm một lần linh mục hạt trưởng phải phúc trình với giám mục địa phận tình hình địa hạt.

Giáo luật (1917) khoản 44b quy định việc bổ nhiệm linh mục quản hạt như sau: “Để lĩnh chức quản hạt, đức giám mục sẽ tuyển chọn linh mục mà ngài xét là xứng đáng. Đức giám mục được tự do thu hồi chức vụ này, tuy nhiên cần phải có lí do chính đáng”.

Xứ đạo (giáo xứ)

Xứ đạo là một phần của địa phận, có một nhà thờ xứ, một số tín đồ được giao cho một linh mục coi sóc.

Linh mục chính xứ là người cộng tác với giám mục coi sóc phần đạo của giáo dân, là “người lãnh đạo tinh thần tối cao của toàn xứ”. Linh mục chính xứ có nhiệm vụ hướng dẫn, huấn luyện, chăm sóc giáo dân của xứ trong mọi hoạt động tôn giáo. Ngoài ra, linh mục chính xứ còn có một số nhiệm vụ sau: Nhiệm vụ nhiệm sở: Không được phép vắng mặt khỏi xứ trong thời hạn tối đa 2 tháng; Chỉ lễ cho giáo dân; Coi sóc về tín ngưỡng, luân lý; Quản lý sổ sách.

Việc bổ nhiệm linh mục chính xứ thường do giám mục bản quyền chuẩn y. Giáo luật (1917) quy định linh mục được bổ nhiệm làm linh mục chính xứ thì không thể chuyển chuyển. Thực ra người ta đã phân biệt những linh mục bất khả chuyển (đối với những xứ đạo mới thành lập) và linh mục khả chuyển (đối với những xứ đạo lâu đời).

Trong các xứ đạo ở Miền Nam, trước Công đồng Vatican II còn phải kể đến một số tổ chức với các tên gọi khác nhau. Ở các xứ đạo Trung Bộ gọi là ban chức việc với các chức vụ: trù, cầu, biện. Ở các xứ đạo Tây Nguyên tuy gọi là ban chức việc nhưng các chức vụ khác với Trung Bộ, thường đứng đầu là giáo phụ. Có thể có thêm các chức cầu, biện. Ở các xứ đạo Nam Bộ gọi là ban quới (quý) chức với các chức vụ trù, biện, giáp, cầu dương.

Ở Miền Nam nhiều xứ đạo được tín đồ quen gọi là họ đạo. Như họ đạo Cầu Kho, họ đạo Chợ Quán. Nhưng trên thực tế đó là xứ đạo. Một số xứ đạo trước Công đồng Vatican II ở Miền Nam có thể có họ đạo lẻ như xứ đạo Tân Định có 5 họ đạo lẻ. Nhưng nhìn chung các xứ đạo không có họ đạo lẻ.

Khi cộng đồng tín đồ Miền Bắc di cư vào đã mang theo tên gọi, hình thức tổ

chức xứ, họ đạo. Tổ chức thế tục như ban hành giáo với các chức vụ được lấy nguyên mẫu từ Miền Bắc.

Một số thay đổi về hệ thống tổ chức của Công giáo sau Công đồng Vatican II

Sau Công đồng Vatican II, hệ thống tổ chức Giáo hội Công giáo Việt Nam có một số thay đổi. Đây là sự thay đổi chung của Giáo hội Công giáo.

Địa phận

Một số tổ chức trong địa phận được quy định trong các hiến chế, sắc lệnh, tuyên ngôn, đó là:

Hội đồng linh mục, hội đồng mục vụ, hội đồng giáo dân. Các tổ chức trên, khi Miền Nam giải phóng chưa được thực hiện đồng loạt ở tất cả các địa phận. Qua điều tra cho thấy, đến năm 1972 mới có 3 địa phận là Nha Trang, Xuân Lộc, Cần Thơ đã thực hiện nhưng còn đang ở bước thử nghiệm.

Hội đồng linh mục

Tự sắc Ecclesial Sanctae quy định: ở mỗi địa phận tùy theo điều kiện cụ thể, giám mục sẽ ấn định thành phần của hội đồng linh mục, số lượng, để họ là tiếng nói đại diện cho linh mục toàn địa phận. *Về cơ cấu tổ chức:* gồm 1 chủ tịch, 1 phó chủ tịch, 1 tổng thư ký, 1 thủ quỹ và một số ủy viên; *Về nhiệm vụ:* tư vấn cho giám mục bằng những lời khuyên cáo trong việc cai quản địa phận, hội đồng còn được thảo luận các vấn đề liên quan đến việc cai quản địa phận.

Hội đồng mục vụ

Sắc lệnh Christus Dominus quy định: Hội đồng mục vụ do giám mục chủ tọa. Thành phần hội đồng gồm giáo sĩ, tu sĩ, giáo dân được giám mục đặc biệt tuyển chọn, có nhiệm vụ và quyền hạn nghiên cứu, xem xét tất cả những gì liên hệ đến công việc mục vụ. Song, những ý kiến của hội đồng chỉ có tính chất tư vấn.

Xứ đạo

Sau Công đồng Vatican II xứ đạo ở Miền Nam dần dần thành lập những đơn vị nhỏ như mỗi xứ chia thành một số khu vực đạo hay giáp đạo hoặc xóm đạo. Dưới khu vực đạo chia thành phân khu, phân xóm. Thậm chí ở xứ đạo của giáo dân di cư từ Miền Bắc vào còn chia thành những liên gia.

Tổ chức thế tục: Ban chức việc, ban quới chức trước đây được đổi thành hội đồng giáo xứ⁽⁷⁾. Đây là tổ chức quy hợp một số giáo dân đại diện cho giáo dân toàn xứ đạo. Thành phần gồm: Ban thường vụ và một số ủy viên. Ban thường vụ gồm: chủ tịch, phó chủ tịch, tổng thư ký, thủ quỹ. Nhiệm vụ của ban thường vụ cùng với linh mục chính xứ tiến hành các công việc phụng vụ, tông đồ và một số hoạt động trần thế.

Ở khu xóm có một tổ chức gọi là *ban chấp hành khu xóm*. Nhiệm vụ của ban này là điều hành trật tự, giúp đỡ khu xóm phát triển cả về vật chất lẫn tinh thần.

Các ban quản trị đoàn thể (hội đoàn) tập hợp những người đứng đầu hội đoàn, điều hành mọi hoạt động của các hội đoàn.

Ban cố vấn

Tập hợp những giáo dân từng tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, tôn giáo đã về nghỉ hưu để giúp đỡ hội đồng giáo xứ trong điều hành các công việc. Đáng chú ý là sau Công đồng Vatican II, Giáo hội Công giáo Miền Nam thành lập một tổ chức mới đó là *hội đồng giám mục*.

Hội đồng giám mục

Căn cứ vào sự phê chuẩn của Tòa Thánh La Mã đề ngày 24/6/1967, hội đồng giám mục được xem là cơ quan cao nhất của Giáo hội Công giáo Miền Nam. Hội đồng được thành lập từ tháng 2 năm 1967, nhưng những tổ chức mục vụ, các ủy ban giám mục chỉ được triển khai vào tháng 2 năm 1971. Đây là sự thay đổi lớn về cơ cấu của Giáo hội Công giáo Miền Nam theo đúng tinh thần canh tân của Công đồng

Vatican II và những nghị quyết quan trọng của *hội đồng giám mục Á Châu*⁽⁸⁾.

Theo tinh thần của Công đồng Vatican II, hội đồng giám mục có mục đích vừa để các giám mục có dịp phối hợp hoạt động của mình chặt chẽ hơn với các giám mục khác, vừa để các giám mục quy định những điều kiện, hình thức và phương pháp làm tông đồ thích hợp với hoàn cảnh từng địa phương.

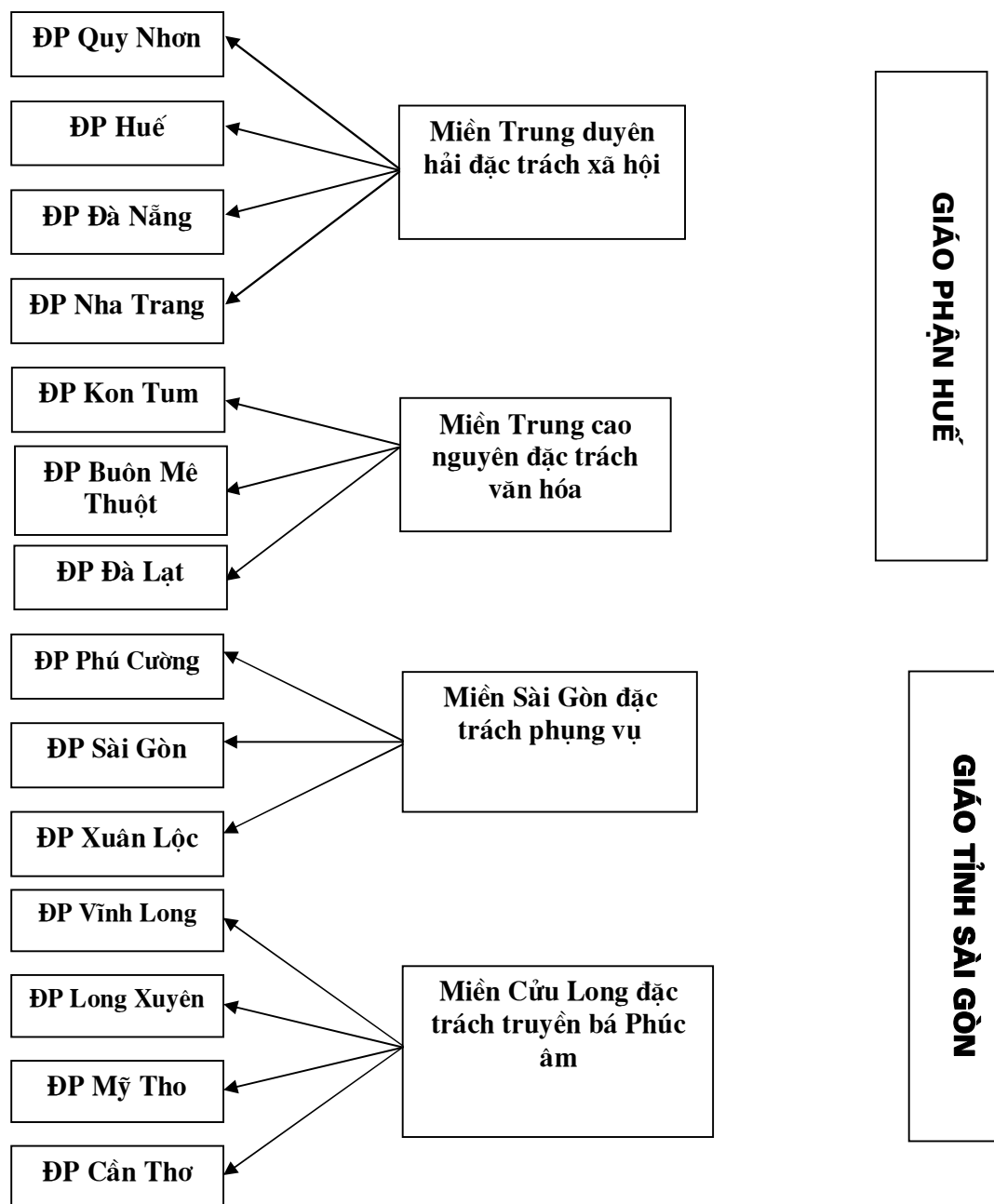
Như vậy, trong một số công việc nào đó, Giáo hội Công giáo Miền Nam được quyền quy định và giải quyết theo những quy chế trên mà không phụ thuộc vào Tòa Thánh La Mã. Đó là những vấn đề liên quan đến mục vụ và phụng vụ hoặc những hình thức lễ nghi của Giáo hội Công giáo cho phù hợp với mỗi địa phương. Những vấn đề liên quan đến tín lý hoặc đến nghĩa vụ của giám mục đã được quy định trong Bộ Giáo luật thì phải do Tòa Thánh La Mã quy định.

Hội đồng Giám mục Miền Nam có 4 ủy ban: Phụng vụ; Truyền bá phúc âm; Đặc trách xã hội; Đặc trách văn hóa. Mỗi ủy ban giao cho một miền phụ trách, mỗi miền gồm một số địa phận nhất định. Miền Trung duyên hải đặc trách xã hội, gồm các địa phận: Quy Nhơn, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang. Miền Trung cao nguyên đặc trách văn hóa, gồm các địa phận: Kon Tum, Buôn Mê Thuật, Đà Lạt. Miền Sài Gòn đặc trách phụng vụ, gồm các địa phận: Phú Cường, Sài Gòn, Xuân Lộc. Miền Cửu Long đặc trách truyền bá phúc âm, gồm các địa phận: Vĩnh Long, Long Xuyên, Mỹ Tho, Cần Thơ.

Trên nguyên tắc, Hội đồng giám mục tạo sự liên kết giữa hàng giáo phẩm,

7. Ở Miền Nam thời kỳ này xứ đạo được gọi là giáo xứ.
8. Hội đồng Giám mục Á Châu họp tại Manila từ 23-29/11/1970 với sự tham gia của 8 hồng y, 189 tổng giám mục và giám mục. Đề tài mà đại hội bàn là: sự đóng góp của Giáo hội Công giáo trong cuộc phát triển các dân tộc Á Châu.

Sơ đồ 2: Tổ chức Mục vụ theo 4 miền của Hội đồng Giám mục Việt Nam (Miền Nam)



giáo sĩ và giáo dân. Mỗi ủy ban do một giám mục một miền phụ trách và nhiều linh mục tham gia. Một số linh mục được giao đứng đầu các tiểu ban. Giáo dân cũng được tham gia một số mặt về phụng vụ và truyền thông xã hội và làm thư kí cho các tiểu ban.

Song, về thực tế, sự liên kết trên hoàn toàn mang tính cá nhân. Linh mục và giáo dân tham gia vào ủy ban giám mục chỉ có nhiệm vụ thừa hành. Về hình thức có sự liên kết, nhưng thực tế sự cộng tác trên không được giáo dân và tất cả các linh mục biết tới, vì họ không đại diện cho một đoàn thể nào.

Về tổ chức mục vụ theo 4 miền của Hội đồng giám mục như trên (theo sơ đồ) có sự thiếu hợp lí trong việc phân định ranh giới của giáo tỉnh và miền phụng vụ, từ đó gây trở ngại cho việc điều hành những hoạt động tôn giáo. Địa phận thuộc giáo tỉnh này nhưng lại ở miền phụng vụ khác do một giám mục riêng điều khiển.

Về tổ chức giáo tỉnh

Trong khi chờ quy định mới của Bộ Giáo luật, Công đồng Vatican II không có một văn bản nào quy định về tổ chức, quyền hạn, chức năng của giáo tỉnh, đứng đầu giáo tỉnh (hay còn gọi là tổng địa phận) là tổng giám mục nhưng không có quyền can thiệp trực tiếp vào mọi hoạt động của địa phận. Tổng giám mục chỉ có nhiệm vụ điều hòa, phối hợp hoạt động của các địa phận thuộc giáo tỉnh, xem xét việc thực hiện của các địa phận theo giáo luật và những quy định khác của Giáo hội, phúc trình việc xem xét đó về Tòa Thánh La Mã. Vì vậy tổ chức của tòa tổng giám mục cũng giống như tổ chức của một địa phận.

Về nhân sự

Thống kê ngày 21/12/1970 của Giáo hội Công giáo Miền Nam cho biết, tính đến thời điểm này có 16 giám mục, 1.917 linh

mục, trong đó, tổng số tín đồ của hai giáo tỉnh là 1.820.581. Dem chia tỉ lệ thì thấy một linh mục coi sóc 934 giáo dân.

Về cơ sở đào tạo

Thời Mỹ - Ngụy, thông thường ở mỗi địa phận của Giáo hội Công giáo Miền Nam đều có 1 tiểu chủng viện và được xem là hạ tầng cơ sở tuyển chọn chủng sinh cho đại chủng viện. Tiếp đó là đại chủng viện, thu thập những chủng sinh ưu tú ở các tiểu chủng viện. Đến trước ngày Miền Nam giải phóng Giáo hội Công giáo Miền Nam có 4 đại chủng viện.

Đại chủng viện Xuân Bích (Huế);

Đại chủng viện Giáo hoàng học viện Piô X (Đà Lạt);

Đại chủng viện Thánh Giuse (Sài Gòn);

Đại chủng viện Xuân Bích (Vĩnh Long).

Dòng tu

Ở Miền Nam tồn tại hai loại dòng: dòng quốc tế (miễn trừ) và dòng địa phận (không miễn trừ). Việc điều hành nội bộ của các dòng tu (nam, nữ) cơ bản theo quyền hạn sau:

Tu viện trưởng còn gọi là bề trên cả có thẩm quyền tổng quát trên toàn dòng;

Bề trên tỉnh dòng có thẩm quyền trên tỉnh dòng của mình;

Bề trên địa phương có thẩm quyền trên mỗi nhà dòng.

Căn cứ vào mục đích hoạt động có thể phân chia dòng tu ở Miền Nam như sau:

Dòng Chiêm niệm

Ít tiếp xúc với xã hội bên ngoài, chỉ lo thánh hóa bản thân bằng chiêm niệm. Bao gồm các dòng:

Biển Đức (Bênêxítô) có cơ sở ở Thiên An (Huế) và Thiên Hòa (Buôn Ma Thuột);

Dòng Xitô vốn tách ra từ dòng Biển Đức, có cơ sở ở Phước Sơn (Sài Gòn), Châu Sơn (Lâm Đồng), Châu Thủy (Thuận Hải);

Dòng kín Carmel, là dòng nữ với 3 cơ sở ở Sài Gòn, Huế và Nha Trang;

Dòng Tiểu đệ Chúa Giêsu có cơ sở ở Cần Thơ, Sài Gòn và Bảo Lộc.

Dòng Truyền giáo

Dòng Tên, có 6 cơ sở ở 3 địa phương là Sài Gòn, Thừa Thiên - Huế, Lâm Đồng.

Dòng Đa Minh ở Miền Nam có hai chi nhánh là chi Phi Luật Tân (Philippines) và chi Lyon (Pháp). Dòng Đa Minh chi Phi Luật Tân (Nam) có cơ sở ở Gò Vấp, Thủ Đức, Phú Nhuận, Vũng Tàu với khoảng 30 linh mục, hàng trăm tu sĩ và khoảng một trăm chủng sinh. Dòng Đa Minh chi Lyon có hai cơ sở: Sài Gòn và Lâm Đồng với trên một chục linh mục và một số tu sĩ.

Dòng Chúa Cứu Thế có cơ sở ở Huế, Kỳ Đồng, Thủ Đức, Đà Lạt, Bảo Lộc (Lâm Đồng), Nha Trang, Châu Ổ và một số cơ sở nhỏ ở Vĩnh Long, Cái Tàu Hạ, Túc Trưng, Cần Giò. Dòng có trên 100 linh mục, 60 tu sĩ, hàng trăm sinh viên và 300 đệ tử.

Dòng Phanxicô (dòng Anh em hèn mọn) có cơ sở ở Phạm Đăng Hưng (Thủ Đức), Phan Văn Trường (Sài Gòn), Nha Trang, Cù Lao Giêng (An Giang), Tiểu Cần.

Dòng phụ trách việc giáo dục

Hội Xuân Bích (Saint Sulpice) còn gọi là tu hội Xuân Bích hay Hội linh mục Xuân Bích. Mục đích của Hội là đào tạo linh mục trong các chủng viện, có cơ sở đầu tiên ở Vĩnh Long, sau đó ra Huế.

Dòng Sư huynh La San chuyên lo việc dạy học ở tất cả các bậc tiểu học, trung học, đại học, sư phạm, chuyên nghiệp, kỹ thuật, kỹ nghệ. Tu sĩ của dòng là sư huynh làm công việc dạy học. Ở Miền Nam, 10 trong số 14 địa phận có cơ sở của dòng với gần 200 sư huynh.

Dòng Thánh Tâm Chúa Giêsu đảm nhận việc giáo dục từ bậc tiểu học đến trung học. Tu sĩ của dòng gọi là sư huynh với số lượng 60 người.

Dòng Anh em hèn mọn Thánh Giêsu (còn gọi là dòng Giêsu Nha Trang) có nhiệm vụ dạy giáo lý cho thanh thiếu niên.

Dòng phụ trách việc bác ái

Dòng Don Boscô có nhà chính ở Gò Vấp, nhà phụ ở Đồng Nai và Lâm Đồng.

Dòng Thánh Gioan Thiên Chúa (còn gọi là dòng Bệnh viện Thánh Gioan Thiên Chúa) chuyên lo về bệnh viện, chăm sóc bệnh nhân. Dòng có cơ sở ở Đồng Nai.

Dòng Chúa quan phòng có nhà chính ở Cần Thơ với số nữ tu khoảng 200.

Dòng Các bà phước thánh Vinh Sơn có nhà chính tại Đà Lạt.

Dòng nữ tu thánh Phanxicô có nhà chính tại Đà Lạt.

Có một hình thức tu trì khác gọi là *tu hội đời*. Mục đích của hình thức tu trì này nhằm “hoạt động tông đồ giữa trần gian có hiệu quả hơn, tông đồ ở trần thế không phải ở nhà thờ”.

Tu hội đời được gọi là *dòng tu*. Hội viên của dòng không sống tập trung trong tu viện, không có y phục riêng, không có chế độ khó nghèo như nhà dòng. Hội viên được làm nhiều nghề mà giáo sĩ nếu không có phép của Tòa Thánh La Mã không được làm như ý tá, bác sĩ. Phương châm của tu hội là “nhập thế để thánh hóa trần thế” và sống như “men trong bột, muối của đất, ánh sáng của mặt trời, hạt giống sinh cây”.

Vào các ngày 4, 5, 6 tháng 9 năm 1972 tại Nha Trang, địa phận này lần đầu tiên tổ chức nói chuyện về tu hội đời cho anh em hi vọng khóa tĩnh tâm lần thứ nhất. Hoạt động của tu hội đời ở địa phận Nha Trang mới đang ở chặng thăm dò, dự thử thì Miền Nam giải phóng, đất nước thống nhất.

Những tổ chức tín đồ:

Ban quới việc hay quý chức

Đây là một tổ chức như ban hành giáo xứ, họ đạo ở Miền Bắc. Tổ chức này ở Miền Trung và Tây Nguyên gọi là ban chức việc với các chức vụ trùm, câu (có thể là câu nhất, câu nhì), biện (có chức biện nhất, biện nhì, biện ba). Ở Nam Bộ, ban này gọi

là ban quới (quý) chức gồm có các chức trù, biện, giáp, câu đương.

Năm 1954, bộ phận giáo dân Miền Bắc di cư vào Miền Nam đem theo mô hình tổ chức ban hành giáo xứ, họ đạo với các chức vụ chánh trưởng, phó trưởng, tuần kiểm, thư kí, thủ quỹ, trù, quản.

Ban chức việc hay quý chức được lập ra để trợ giúp linh mục đảm nhiệm một số công việc phục vụ cho nghi lễ, quản lí tài sản, điều hành sản xuất cho nhà xứ.

Từ năm 1971, giáo phận Huế đi đầu trong việc cải tiến tổ chức ban chức việc thành hội đồng giáo xứ với các chức vụ: chủ tịch, phó chủ tịch, thư kí, thủ quỹ.

Tổ chức Công giáo tiến hành

Công giáo tiến hành là toàn thể các hội đoàn do giáo dân đảm nhiệm trong phạm vi truyền giáo đã được giáo quyền nâng đỡ và giao phó sứ mạng riêng biệt. Theo Giáo hoàng Pío XI, Công giáo tiến hành là: "Sự tham gia cộng tác của giáo dân trong việc tông đồ của hàng giáo phẩm"⁹.

Sau một thời gian hình thành, Công giáo tiến hành Miền Nam ra *Hiến chương* và được Tòa Thánh La Mã phê chuẩn ngày 7/12/1956.

Công giáo tiến hành được tổ chức chặt chẽ từ trung ương đến địa phương. Tại trung ương có ban chấp hành trung ương gồm 2 bộ phận: Ban đại diện và ban thường trực. Ban thường trực gồm chủ tịch, phó chủ tịch, thư kí, thủ quỹ.

Ở địa phương, tổ chức Công giáo tiến hành có hai cấp: địa phận, giáo xứ. Công giáo tiến hành địa phận đặt dưới quyền tổng quát của giám mục địa phận. Tuy nhiên, một linh mục có thể được giám mục ủy thác chức vụ giám đốc Công giáo tiến hành địa phận. Ban chấp hành địa phận giống như ban chấp hành trung ương, chỉ khác là quyền hạn trong phạm vi địa phận. Tại giáo xứ, Công giáo tiến hành đặt dưới quyền điều khiển của linh mục chính

xứ với tư cách là giám đốc Công giáo tiến hành xứ.

Phong trào Công giáo tiến hành hoạt động sôi nổi, đều khắp các giáo tỉnh Sài Gòn, Huế. Tổ chức hoạt động mạnh nhất là Liên đoàn Sinh viên Công giáo Việt Nam (thực chất là sinh viên Công giáo Miền Nam). Tổ chức cao nhất là Tổng công đoàn sinh viên Công giáo. Đại hội đồng là cơ quan tối cao của Tổng liên đoàn, tiếp theo là Hội đồng chủ tịch, văn phòng tổng thư kí.

Dưới Tổng liên đoàn là Liên đoàn. Có 4 Liên đoàn sinh viên Công giáo của 4 viện đại học: Huế, Sài Gòn, Đà Lạt, Cần Thơ.

Đoàn sinh viên Công giáo là tổ chức cơ sở dựa trên sự phân khoa của mỗi viện đại học mà có.

Hùng tâm dũng chí

Đây là hội đoàn chuyên biệt nhằm tập hợp tầng lớp thiếu nhi. Phong trào này phát triển mạnh trong giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1963. Từ năm 1964 đến năm 1975 phong trào này có yếu di, nhất là trong khoảng thời gian từ năm 1972 đến năm 1975.

Hội Nghĩa binh

Hội tập hợp tầng lớp thiếu nhi. Năm 1959 địa phận Sài Gòn có 47 đoàn nghĩa binh gồm 4.398 đoàn viên.

Phong trào Thanh lao công (Thanh niên lao động Công giáo)

Phong trào này phát triển được hàng nghìn tín đồ trong giới lao động Công giáo là thanh niên.

Ngoài ra còn phải kể đến các hội đoàn: Hội Học sinh Công giáo, Hội Bác sĩ Công giáo, Hội Con Đức Mẹ, Hội Các bà mẹ Công giáo, Hiệp hội Thánh Mẫu, Liên minh Thánh Tâm, Đạo Bình Đức Mẹ (Legio Maria), Gia đình phật tạ./.

9. Nguyễn Văn Vi. *Tìm hiểu Công giáo tiến hành quốc tế và Việt Nam*, Sài Gòn, 1965, tr. 28.